

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Để tiếp tục tăng cường hiệu quả chuyển giao công nghệ và định hướng đầu tư nước ngoài cho giai đoạn tới, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đồng thời Chính phủ cũng ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW (Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020). Tại Nghị quyết số 58/NQ-CP, Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, ngành thực hiện xây dựng, hoàn thiện các *chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, dần tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu*. Để cập nhật và cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 1851/QĐ-TTg trong giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) kính trình Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung chính của Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 27/NQ-CP đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, địa phương *“Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ cho giai đoạn đến 2025. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng để nhanh chóng nâng cao năng lực công nghệ trong nước, trình độ thiết kế, chế tạo, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên”* và *“Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ cho giai đoạn đến 2025. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng để nhanh chóng nâng cao năng lực công nghệ trong nước, trình độ thiết kế, chế tạo, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên”*. Đây là cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 phê duyệt Đề án *“Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. Tuy nhiên, hoạt động tìm kiếm công nghệ nguồn cung công nghệ, đặc biệt là nguồn cung công nghệ từ chính các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa được đề cập đến. Chính vì vậy trong Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã phân công Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, ngành thực hiện xây dựng *“chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ và quản trị dựa trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện cho doanh nghiệp Việt Nam”* và *“chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, dần tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu”*.

Bên cạnh đó, tại Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện *Nghị quyết 20-NQ/TW* Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã nhấn mạnh: *“Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực khoa học và công nghệ trong nước. Khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam. Hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật về khoa học và công nghệ tầm khu vực và quốc tế”*; *Nghị quyết số 50-NQ/TW* của Bộ Chính trị ngày 20 tháng 8 năm 2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã nêu quan điểm chỉ đạo: *“Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu”*.

Tại *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, trong phân định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực chủ yếu 5 năm 2021 - 2025, đã chỉ rõ *“...Trên lĩnh vực kinh tế cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao... Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”*; về định

hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 cũng đã nêu: “... *Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới*”. Cùng với đó, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ ngày 20/5/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và phối hợp với bộ, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc “*Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*”.

Như vậy trong các chủ chương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước gần đây, luôn nhấn mạnh vai trò của khai thác, tìm kiếm, chuyển giao và làm chủ các công nghệ tiên tiến như là một trụ cột trong phát triển một nền kinh tế sáng tạo, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa khoa học và công nghệ với các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thông qua nâng cao năng lực, trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau gần 03 năm thực hiện, qua tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi là Đề án 1851) cho thấy các đơn vị đã nỗ lực tổ chức triển khai thực hiện Đề án phù hợp với chức năng nhiệm vụ từng bộ, ngành và điều kiện phát triển của từng địa phương trên cả nước.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện và tổng hợp kết quả triển khai của Đề án. Qua gần 03 năm thực hiện, đa số đơn vị đã xây dựng và bám sát kế hoạch triển khai, năm 2020 đã có 70/82 đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện, chiếm trên 85%¹. Các nội dung triển khai đã tập trung chủ yếu vào 07 nhóm nhiệm vụ và giải pháp lớn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo ra các chuyển biến tích cực trong hoạt động chuyển giao, hấp thụ công nghệ nước ngoài, trong đó có các dự án FDI.

Kết quả Đề án đã giúp cải thiện môi trường pháp lý, tạo diện kiện thúc đẩy hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên tại các Bộ, ngành, địa phương. Cụ thể như sau: Đã có 31/82 (38%) đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; đa số các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng và bám sát kế hoạch triển khai, năm 2020 đã có 70/82

¹ 70/82 đơn vị đã báo cáo kết quả thực hiện, chiếm 85,4%. Bao gồm 15 Bộ, ngành và 55 địa phương, trong đó có 37 Bộ, ngành, địa phương có báo cáo kết quả nhưng chưa có kế hoạch triển khai; 05 Bộ ngành và 25 địa phương có kế hoạch triển khai, có báo cáo kết quả; 02 Bộ, ngành, 01 địa phương có kế hoạch triển khai nhưng không có báo cáo kết quả; 12 Bộ, ngành, địa phương không có kế hoạch triển khai cũng như báo cáo kết quả

đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện, chiếm trên 85%². Các nội dung triển khai đã tập trung chủ yếu vào 07 nhóm nhiệm vụ và giải pháp lớn, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo ra các chuyển biến tích cực trong hoạt động chuyển giao, hấp thụ công nghệ nước ngoài, trong đó có các dự án FDI.

Báo cáo tình hình thực hiện thời gian vừa qua cho thấy các kết quả cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra. Phần lớn các bộ, ngành, địa phương đã ban hành văn bản quán triệt, chỉ đạo triển khai, bổ sung và sửa đổi chính sách hỗ trợ, hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động chuyển giao làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; nhiều địa phương đã đầu tư hàng tỷ đồng nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ như: Bắc Ninh, Cà Mau, Quảng Ninh, Bến Tre, Bình Dương, Bình Thuận, Đà Nẵng, Hải Dương, Thái Nguyên, Lai Châu, Nam Định, Thái Bình...; nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ trong nước; hợp tác quốc tế được chú trọng, đặc biệt với các tổ chức, cá nhân và người Việt Nam ở nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực tại các nước có trình độ khoa học và công nghệ phát triển phục vụ hoạt động tìm kiếm, tư vấn và hợp tác nghiên cứu chuyển giao công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước; công tác tuyên truyền cũng được đẩy mạnh để hình thành tư duy, nhận thức cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ động tham gia hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, chỉ số cạnh tranh. Từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới, góp phần cơ cấu lại các ngành kinh tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó một số ngành có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tăng cường bảo đảm an ninh - quốc phòng. *(Kết quả cụ thể thực hiện 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp lớn được báo cáo chi tiết trong phụ lục kèm theo).*

Việc triển khai của Đề án 1851 tuy đạt được một số kết quả nhất định nêu trên nhưng còn hạn chế do thiếu giải pháp hiệu quả, thông qua quá trình thực hiện Đề án. Các bộ, ban, ngành và địa phương cũng đã thấy được một số vấn đề tồn tại và khó khăn trong quá trình nhập khẩu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam đã được các cơ quan chức năng bổ sung, chỉnh sửa phù hợp, tuy nhiên vẫn chưa thực sự hiệu quả do thủ tục vẫn còn phức tạp và mất nhiều thời gian để các tổ chức, doanh nghiệp có thể tiếp cận thụ hưởng, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm lực chưa đủ lớn.

² 70/82 đơn vị đã báo cáo kết quả thực hiện, chiếm 85,4%. Bao gồm 15 Bộ, ngành và 55 địa phương, trong đó có 37 Bộ, ngành, địa phương có báo cáo kết quả nhưng chưa có kế hoạch triển khai; 05 Bộ ngành và 25 địa phương có kế hoạch triển khai, có báo cáo kết quả; 02 Bộ, ngành, 01 địa phương có kế hoạch triển khai nhưng không có báo cáo kết quả; 12 Bộ, ngành, địa phương không có kế hoạch triển khai cũng như báo cáo kết quả

- Nguồn nhân lực phục vụ hoạt động tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào trong nước đã được các cấp chính quyền quan tâm phát triển. Tuy nhiên, còn nhiều hạn chế cả về chất lượng lẫn số lượng do nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn đang hoạt động trong điều kiện thiếu thốn, lạc hậu về cơ sở vật chất và không bắt kịp nhu cầu, xu hướng phát triển thực tế của các tổ chức, doanh nghiệp theo từng vùng, miền trên địa bàn cả nước. Liên kết giữa Viện - Trường - Nhà khoa học - Doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - Doanh nghiệp còn yếu, chưa khai thác, phát huy được hết tiềm năng nội sinh vốn có.

- Các tổ chức, doanh nghiệp mặc dù có được hỗ trợ trong việc tiếp cận các chương trình, quỹ đổi mới khoa học công nghệ. Việc triển khai quỹ phát triển khoa học công nghệ trong doanh nghiệp còn hạn chế, số doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ không nhiều, chưa phát huy được vai trò của khoa học công nghệ trong nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Mặt khác, một số cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả, còn nhiều khó khăn, bất cập, nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chưa thực sự thu hút được các đơn vị tham gia đổi mới công nghệ.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam đã được quan tâm đầu tư nâng cấp. Nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động đổi mới công nghệ còn hạn chế; nguồn lực (tài lực, nhân lực, cơ sở vật chất) đầu tư thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ còn yếu; năng lực làm chủ, khai thác và phát triển công nghệ chưa cao, nhất là các công nghệ tiên tiến có xuất xứ nước ngoài, vẫn còn nhiều nơi thiếu thốn, lạc hậu, chưa bắt kịp được tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ và doanh nghiệp hiện nay. Đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, việc xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ chưa diễn ra mạnh mẽ, chưa thu hút sự tham gia rộng rãi từ cộng đồng xã hội. Thiếu cơ chế liên kết, ràng buộc giữa khoa học và sản xuất, cơ chế khuyến khích mạnh doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư cho khoa học công nghệ.

- Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh trên cả nước không đồng đều, tiềm lực phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ khác nhau, nhu cầu đổi mới công nghệ ở các mức độ và chủng loại cũng khác nhau nên thường xảy ra hiện tượng nơi cần không có, nơi có không đúng và nơi trúng thì không đủ nguồn lực tiếp nhận... Chưa có đơn vị trung gian hỗ trợ tư vấn, tìm kiếm, chuyển giao công nghệ phù hợp cho từng đối tượng, vùng, miền để phát huy tối đa các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cả nước.

- Phần lớn dự án FDI vẫn tập trung vào các công đoạn gia công, lắp ráp với giá trị gia tăng thấp và không đòi hỏi trình độ công nghệ cao. Công nghệ, máy móc tiếp nhận chuyển giao từ nước ngoài vào trong nước thời gian qua chủ yếu đã qua sử dụng, trong khi đó công tác đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ chưa được chuyên môn hóa cao nên kết quả vẫn còn hạn chế. Trong khi đó, các nguồn công nghệ nước ngoài thông qua hợp tác nghiên cứu, nhập khẩu, chuyển giao vẫn còn khiêm tốn do hạn chế về nguồn lực và sự thiếu liên kết giữa khu vực nghiên cứu và khu vực sản xuất.

- Việc thống kê, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ còn hạn chế do thiếu cơ chế và chế tài đủ mạnh: Thiếu thông tin về nguồn cung công nghệ nước ngoài. Phần lớn đơn vị còn tương đối bị động trong các hoạt động nắm bắt nhu cầu và hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, lựa chọn, chuyển giao công nghệ nước ngoài. Công tác hỗ trợ tìm kiếm thông tin công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ mới chỉ tập trung vào các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ được ưu tiên, đáp ứng cho các doanh nghiệp có đủ tiềm năng và nguồn lực tiếp nhận (số lượng doanh nghiệp này không nhiều). Phần lớn doanh nghiệp tại các địa phương trên cả nước là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm lực chưa đủ mạnh để tham gia hoạt động tiếp nhận, chuyển giao, phát triển và làm chủ công nghệ có giá trị cao hay nói cách khác là trọng tâm tìm kiếm, chuyển giao công nghệ chưa phù hợp với thực trạng số đông doanh nghiệp trong nước. Nhiều doanh nghiệp tại nhiều địa phương trên cả nước chưa có cơ hội tiếp cận thông tin công nghệ để tham gia hoạt động chuyển giao, phát triển và làm chủ công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Các hoạt động phục vụ Đề án chưa có kinh phí hỗ trợ trực tiếp, đa phần được thực hiện lồng ghép với các Chương trình khác.

- Thiếu một chương trình thành phần thuộc Đề án để tập trung giải quyết những vấn đề mang tính nền tảng để hỗ trợ hiệu quả các nội dung thuộc Đề án như: hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tìm kiếm thông tin công nghệ; tư vấn, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dự án chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài; tăng cường hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân và người Việt Nam ở nước ngoài trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ. Trong khi đó, Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 4/7/2014 với mục tiêu tìm kiếm, đánh giá, tư vấn và chuyển giao công nghệ tiên tiến trên thế giới, phục vụ kịp thời nhu cầu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đã kết thúc năm 2020.

Bên cạnh đó, tình hình thực tiễn từ năm 2019 đến nay cũng cho thấy, cùng với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, một loạt các hiệp định được Việt Nam ký kết bắt đầu có hiệu lực từ đầu năm 2019, cụ thể như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) được ký kết ngày 08 tháng 3 năm 2018 và chính thức có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 14 tháng 01 năm 2019; Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu - EU (EVFTA) được ký kết ngày 30 tháng 6 năm 2019 và chính thức có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01 tháng 8 năm 2020. Việc ký kết và thực thi các Hiệp định Thương mại tự do FTA giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường khả năng tiếp cận vào các thị trường thế giới nhưng đi kèm với đó là việc đảm bảo thực hiện các cam kết về sở hữu trí tuệ và hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các hiệp định được ký kết. Việc chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ sẽ nghiêm minh hơn, chế độ thực thi quyền sở hữu trí tuệ sẽ chặt chẽ hơn. Ngoài ra, để đáp ứng các yêu cầu của các hàng rào kỹ thuật trong thương mại các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, đổi mới quy trình, công nghệ sản xuất. Chính vì thế, nhu cầu ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là rất lớn và dự kiến sẽ tiếp tục tăng cao cùng với nhu cầu liên kết nghiên cứu, chuyển giao các tài sản trí

tuệ, công nghệ từ các doanh nghiệp FDI cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong khi đó, nguồn cung công nghệ hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp, nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, với năng lực hấp thu công nghệ còn hạn chế, chủ yếu là nhập khẩu công nghệ thông qua máy móc thiết bị, doanh nghiệp trong nước thiếu thông tin công nghệ, nguồn cung công nghệ, chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ. Hiện nay các chương trình khoa học và công nghệ tại Việt Nam hiện chủ yếu tập trung hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, phát triển các tài sản trí tuệ từ các công trình nghiên cứu trong nước còn các hoạt động đầu tư nâng cao năng lực công nghệ, khả năng hấp thu công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ, tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp Việt Nam hiện vẫn còn rất hạn chế.

Do đó, để cụ thể hóa các chỉ đạo gần đây của Đảng, Chính phủ, đặc biệt tại Nghị quyết số 58/NQ-CP cùng những vấn đề thực tiễn đã đưa ra, để kế thừa những thành quả thực hiện trong gần 03 năm vừa qua, đồng thời bổ sung những nội dung mới phù hợp với bối cảnh hiện nay, phát huy các cơ chế, giải pháp hiện có, tạo điều kiện cho các tổ chức/doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tăng cường hợp tác về công nghệ theo định hướng của Nhà nước, việc sửa đổi, bổ sung Đề án 1851 là cần thiết trong giai đoạn tới nhằm triển khai, thực hiện hiệu quả hơn nữa các cơ chế, chính sách và nguồn lực hiện có đáp ứng mục tiêu đề ra.

Đối với vấn đề tìm kiếm, chuyển giao công nghệ, việc bổ sung một Chương trình thuộc Đề án về tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030 là cần thiết và phù hợp trong thời gian tới. Chương trình sẽ tập trung vào các nội dung về hỗ trợ tìm kiếm thông tin công nghệ; tư vấn, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ thực hiện dự án chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài, tăng cường hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, đẩy mạnh kết nối theo chiều sâu với các doanh nghiệp nước ngoài.

II. QUAN ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung hiện có trong Đề án 1851 theo hướng cụ thể hóa nội dung thực hiện và mang tính hành động và trách nhiệm rõ hơn. Từ đó, cụ thể hóa trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương đối với một số nội dung thực hiện trong Đề án

- Việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Quyết định sửa đổi cần tiếp tục kế thừa các nội dung của Đề án 1851, mặt khác bổ sung các nội dung mới để phù hợp với bối cảnh và tình hình hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, khắc phục những hạn chế đã nêu, cụ thể:

+ Mục tiêu của Đề án: các mục tiêu hiện tại chỉ đề cập tới các định hướng chung, chưa cụ thể và chưa có tính lượng hóa, liên quan trực tiếp tới các nội dung triển khai của Đề án, tăng trách nhiệm và cụ thể hóa mục tiêu cho các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện, tạo ra các tác động cụ thể và mang tính lan tỏa, đặc biệt là đối với doanh nghiệp. Hiện nay tại Dự thảo Chiến lược khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 đã đưa ra một số mục tiêu liên quan trực tiếp đến các nội dung của Đề án, do đó, cần cập nhật, bổ sung thêm các mục tiêu để

phù hợp với định hướng chỉ đạo mới, tạo điều kiện cho quá trình triển khai và đánh giá.

+ Các nhiệm vụ giải pháp nhằm triển khai Đề án: Bổ sung một số nội dung có tính lan tỏa có thể triển khai tại các bộ ngành địa phương, trong đó tập trung vào việc cụ thể hóa một số nội dung triển khai của Đề án:

Về xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách: Đề tập trung giải quyết những vấn đề mang tính nền tảng để hỗ trợ hiệu quả các nội dung thuộc Đề án, cần bổ sung Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài đến năm 2030.

Về đầu tư hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam: Trong quá trình triển khai, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy nội dung hiện tại còn thiếu một số hỗ trợ và thiếu tính cụ thể trong khuyến khích và ưu đãi đầu tư cho hạ tầng nghiên cứu, phát triển của doanh nghiệp, cần bổ sung thêm và thống nhất các ưu đãi cụ thể cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ đã được quy định tại Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ cũng như thu hút doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài đầu tư thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam.

Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Chưa cụ thể hóa một số hoạt động về hình thức đào tạo, nội dung đào tạo cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cần bổ sung hình thức và nội dung đào tạo cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

Về triển khai hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam: Chưa có một số nội dung hỗ trợ cụ thể và bị giới hạn một số nguồn lực để triển khai các hoạt động hỗ trợ (mục a chỉ thực hiện trong các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; mục b chỉ thực hiện thông qua các quỹ), cần bổ sung thêm các nhiệm vụ cụ thể nhằm hỗ trợ hiệu quả và thực chất hơn cho tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ và mở rộng nguồn lực hỗ trợ.

Về hợp tác quốc tế: Chưa cụ thể hóa một số nội dung hợp tác quốc tế và nguồn kinh phí của đối tác nước ngoài, cần bổ sung một số hoạt động cụ thể về hợp tác quốc tế và huy động kinh phí của đối tác nước ngoài để phối hợp thực hiện các nội dung của Đề án.

+ Kinh phí thực hiện Đề án cần thống nhất nội dung và định mức hỗ trợ từ kinh phí nhà nước cho các hoạt động của Đề án áp dụng theo các quy định hiện hành về quản lý tài chính đối với Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia. Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan trong việc quy định rõ ràng cho Đề án cơ chế sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn vốn ngân sách khác để hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ công nghệ nước ngoài bằng những cơ chế khuyến khích cao nhất có thể và có tính đặc thù.

- Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan trong việc quy định rõ ràng cho Đề án cơ chế sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn vốn ngân sách khác để

hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ công nghệ nước ngoài bằng những cơ chế khuyến khích cao nhất có thể và có tính đặc thù.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Trước khi xây dựng Dự thảo sửa đổi Quyết định số 1851/QĐ-TTg, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao các đơn vị liên quan phối hợp nghiên cứu xây dựng Chương trình tìm kiếm chuyển giao công nghệ nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn mới và bối cảnh phát triển đất nước. Bộ đã thành lập Tổ Biên tập xây dựng Dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030 và gửi xin ý kiến các đơn vị trong Bộ Khoa học và Công nghệ (theo công văn số 151/UĐCN-HTCG ngày 18 tháng 5 năm 2021), lấy ý kiến góp ý của 18 bộ, ngành, 15 địa phương, các ban quản lý khu công nghệ cao, 28 viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trên cả nước (theo Công văn số 1585/BKHCN-UĐCN ngày 17 tháng 6 năm 2021). Các góp ý gửi về cơ bản đều đồng ý về sự cần thiết xây dựng Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài giai đoạn 2021-2030 với ý nghĩa đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách, trình độ phát triển khoa học và công nghệ của nước ta so với các nước trên thế giới và trong khu vực, là một giải pháp để triển khai Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, sau khi tiếp thu các góp ý trên và hoàn thiện Dự thảo Chương trình đồng thời làm việc với Vụ KGVX - VPCP, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy việc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành thêm Quyết định phê duyệt Chương trình tìm kiếm chuyển giao công nghệ nước ngoài để triển khai Quyết định số 1851/QĐ-TTg là chưa phù hợp với công tác xây dựng văn bản pháp luật. Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ xây dựng Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó bổ sung xây dựng và triển khai Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài với vai trò là chương trình thành phần quan trọng phục vụ cho việc triển khai hiệu quả Đề án 1851. Quyết định sửa đổi, bổ sung Đề án được Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo trên cơ sở bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước, nghiên cứu thực tiễn quá trình triển khai Đề án 1851 cùng kinh nghiệm một số nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời rà soát, đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý, hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao và làm chủ công nghệ nhằm xác định các nội dung cần có cho đề án sửa đổi bổ sung.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 có 03 điều như sau :

Điều 1:

- Tại Điều 1:

+ Sửa đổi mục I.1 về mục tiêu tổng quát;

- + Bổ sung điểm d, đ vào mục I.2 về mục tiêu cụ thể;
- + Sửa đổi mục II.1 về Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước hỗ trợ chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, II.2 về Đầu tư hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, II.3 về Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và II.5 Triển khai hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, II.6 Hợp tác quốc tế;
- + Sửa đổi mục III.1, III.2 về kinh phí thực hiện Đề án;
- Tại Điều 2:
 - + Sửa đổi khoản 1, điểm c, bổ sung thêm điểm e về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - + Sửa đổi khoản 3, điểm a, bổ sung thêm điểm c về trách nhiệm của Bộ Tài chính;
 - + Sửa đổi khoản 5 và khoản 7, điểm a và điểm b về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Quyết định sửa đổi không bãi bỏ điều khoản nào.

Điều 2 : Hiệu lực thi hành

Điều 3 : Tổ chức thực hiện

Trên đây là Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KG-VX);
- Lưu: VT, VP, Cục UDCN.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt